

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SAO VIỆT**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-37
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-37



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 10/UBCK-GPHĐKD ngày 01 tháng 01 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 358/UBCK-GP ngày 10 tháng 10 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 01 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Quang Chiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/04/2012
Ông Vũ Hồng Sự	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12/04/2012
Ông Đặng Đức Thành	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Phú Cường	Ủy viên	
Ông Ngô Đức Vũ	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trần Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/04/2012
Ông Dương Văn Phúc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 07/04/2012

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Phượng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Văn Phúc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07/04/2012
Ông Lê Hoàng Dũng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Huế	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/04/2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm 31/12/2012, lỗ lũy kế của Công ty là 92,89 tỷ đồng, chiếm gần 68% vốn điều lệ; Công ty đã thực hiện rút bớt nghiệp vụ môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán; giảm số lượng nhân viên xuống còn 7 người. Các điều kiện trên đã dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào triển vọng kinh doanh trong thời gian tới. Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục theo giả định về triển vọng khả quan của tình hình kinh doanh trong thời gian tới. Tại ngày lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng chắc chắn về tình hình hoạt động liên tục của Công ty do các yếu tố đảm bảo về khả năng hoạt động liên tục phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài, không phụ thuộc vào sự kiểm soát của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0725/KTV

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2013

1 Lê Phụng Hiếu, Hà Nội, Việt Nam | Tel.: +84-4-3824-1990/1 | Fax.: +84-4-3825-3973
aaschn@hn.vnn.vn | www.aasc.com.vn

A member of International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		66.396.457.529	102.847.065.366
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	27.804.530.147	16.711.968.182
111	1. Tiền		6.804.530.147	3.711.968.182
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.000.000.000	13.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	29.988.299.732	12.056.391.700
121	1. Đầu tư ngắn hạn		42.313.762.958	25.958.720.138
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(12.325.463.226)	(13.902.328.438)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	4.730.661.739	72.883.371.729
131	1. Phải thu của khách hàng		1.435.331.018	1.423.231.018
132	2. Trả trước cho người bán		438.075.000	3.294.210.686
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		15.600.000	11.265.600.000
138	5. Các khoản phải thu khác		21.737.652.840	62.292.590.150
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.895.997.119)	(5.392.260.125)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.872.965.911	1.195.333.755
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		10.166.664	7.121.400
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		60.903.760	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	688.463.842	688.463.842
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	3.113.431.645	499.748.513
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.737.811.976	57.130.295.921
220	II. Tài sản cố định		577.440.642	8.651.984.310
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	577.440.642	1.239.327.891
222	- Nguyên giá		6.096.492.067	7.801.382.731
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.519.051.425)	(6.562.054.840)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	-	755.376.419
228	- Nguyên giá		4.291.284.753	4.388.652.753
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.291.284.753)	(3.633.276.334)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.657.280.000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	25.404.430.000	46.143.950.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		45.233.950.000	46.143.950.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.829.520.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.755.941.334	2.334.361.611
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	15.202.657.566	-
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	2.053.283.768	1.531.831.471
268	4. Tài sản dài hạn khác		500.000.000	802.530.140
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		110.134.269.505	159.977.361.287

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.577.608.772	20.810.552.744
310	I. Nợ ngắn hạn		5.401.448.772	20.754.198.604
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	-	5.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		-	71.230.517
313	3. Người mua trả tiền trước		12.000.000	140.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	95.697.258	407.185.328
315	5. Phải trả người lao động		284.842.888	338.113.790
316	6. Chi phí phải trả	16	417.000.000	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	4.549.955.400	3.593.974.629
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	12.158.688.923
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		41.953.226	696.661.312
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	(1.651.655.895)
330	II. Nợ dài hạn		176.160.000	56.354.140
333	3. Phải trả dài hạn khác		176.160.000	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	56.354.140
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		104.556.660.733	139.166.808.543
410	I. Vốn chủ sở hữu		104.556.660.733	139.166.808.543
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	135.000.000.000	135.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.220.000.000	62.220.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		231.817.946	231.817.946
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(92.895.157.213)	(58.285.009.403)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		110.134.269.505	159.977.361.287

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		510.562.880.000	816.411.750.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		492.316.990.000	782.830.040.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		29.224.220.000	11.738.470.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		459.536.660.000	768.979.850.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		3.556.110.000	2.111.720.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		4.234.600.000	10.000.000.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		4.234.600.000	10.000.000.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		10.000.000.000	-
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		10.000.000.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		4.011.290.000	9.298.600.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	1.300.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		4.011.290.000	7.998.600.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		-	14.283.110.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-	10.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		-	14.283.100.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		7.745.120.000	5.551.470.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		6.745.120.000	4.631.470.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		660.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		6.744.460.000	4.631.470.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		1.000.000.000	-
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		1.000.000.000	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	920.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	920.000.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		18.228.860.000	18.777.140.000


Nguyễn Văn Bình
Phụ trách phòng kế toán


Ngô Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu	19	13.801.814.351	15.343.807.923
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		3.252.561.570	3.733.870.680
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		3.526.244.745	2.930.672.011
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		811.636.369	808.000.006
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		503.515.738	11.539.750
01.9	Doanh thu khác		5.707.855.929	7.859.725.476
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	13.801.814.351	15.343.807.923
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	23.444.537.117	41.282.418.792
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(9.642.722.766)	(25.938.610.869)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	26.448.447.991	12.809.714.246
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(36.091.170.757)	(38.748.325.115)
31	8. Thu nhập khác		1.567.933.934	1.115.079.838
32	9. Chi phí khác		86.910.987	584.596.071
40	10. Lợi nhuận khác		1.481.022.947	530.483.767
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(34.610.147.810)	(38.217.841.348)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(34.610.147.810)	(38.217.841.348)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(2.564)	(2.831)


 Nguyễn Văn Bình
 Phụ trách phòng kế toán


 Ngô Đức Vũ
 Tổng Giám đốc

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(34.610.147.810)	(38.217.841.348)
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.417.263.668	2.296.114.254
03	- Các khoản dự phòng		33.232.752.292	2.538.312.150
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.816.136.839)	(9.504.078.974)
06	- Chi phí lãi vay		70.698.334	1.363.535.576
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(5.705.570.355)	(41.523.958.342)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		50.348.832.442	(5.489.636.044)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(15.445.042.820)	45.738.945.733
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.884.599.867)	(32.852.115.831)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.548.422.830)	758.301.029
13	- Tiền lãi vay đã trả		(70.698.334)	(1.363.535.576)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.161.098.430	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(579.171.540)	(495.333.999)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		10.276.425.126	(35.227.333.030)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(344.641.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		108.280.910	240.909.091
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.707.855.929	9.401.320.295
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.816.136.839	9.297.588.386
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		23.500.000.000	87.433.854.857
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(28.500.000.000)	(82.433.854.857)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.000.000.000)	5.000.000.000

091117
CÔNG
HẠCH NHIỆ
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
KIỂM
TOÁN K

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.092.561.965	(20.929.744.644)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		16.711.968.182	37.641.712.826
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>27.804.530.147</u>	<u>16.711.968.182</u>


 Nguyễn Văn Bình
 Phụ trách phòng kế toán


 Ngô Đức Vũ
 Tổng Giám đốc

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2013



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2012

Năm 2012	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		62.220.000.000	-	-	62.220.000.000
Quỹ dự phòng tài chính		231.817.946	-	-	231.817.946
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(58.285.009.403)	(34.610.147.810)	-	(92.895.157.213)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	139.166.808.543	(34.610.147.810)	-	104.556.660.733

Năm 2011	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		62.220.000.000	-	-	62.220.000.000
Quỹ dự phòng tài chính		231.817.946	-	-	231.817.946
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(20.067.168.055)	(38.217.841.348)	-	(58.285.009.403)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	177.384.649.891	(38.217.841.348)	-	139.166.808.543


 Nguyễn Văn Bình
 Phụ trách phòng kế toán


 Ngô Đức Vũ
 Tổng Giám đốc

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 10/UBCK-GPHĐKD ngày 01 tháng 01 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 358/UBCK-GP ngày 10 tháng 10 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 01 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng; tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2012, lỗ lũy kế của Công ty là 92,89 tỷ đồng, chiếm gần 68% vốn điều lệ; Công ty đã thực hiện rút bớt nghiệp vụ môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán; giảm số lượng nhân viên xuống còn 7 người. Những vấn đề này đều ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

105-Q
G TY
C M H U H A
T U V A
E T O A N
T O A N
M - T P . H

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	8.291.490	112.087.911.000
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	8.291.490	112.087.911.000
Của người đầu tư	141.484.900	1.351.062.685.000
- Cổ phiếu	141.484.900	1.351.062.685.000
	149.776.390	1.463.150.596.000

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	307.931	37.881.132
Tiền gửi ngân hàng	2.807.855.957	1.188.028.050
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	3.996.366.259	2.486.059.000
Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	13.000.000.000
	27.804.530.147	16.711.968.182

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,

Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị tăng trưởng		Giảm so với giá trị tăng trưởng		Tổng giá trị theo giá trị tăng trưởng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- PVA	40	40	1.900.000	1.900.000	-	-	(1.652.000)	(1.672.000)	248.000	228.000
- PVC	53	53	2.170.015	2.170.015	-	-	(1.475.715)	(1.534.015)	694.300	636.000
- PVI	64	64	1.542.400	1.542.400	-	-	(569.600)	(358.400)	972.800	1.184.000
- PVL	80	80	1.440.000	1.440.000	-	-	(1.152.000)	(1.208.000)	288.000	232.000
- QNC	43	43	1.132.000	1.132.000	-	-	(895.500)	(822.400)	236.500	309.600
- S64	-	30	-	789.000	-	-	-	(618.000)	-	171.000
- S99	33	27	78.000	78.000	80.400	-	-	59.700	158.400	137.700
- SCJ	31	31	4.298.939	4.298.939	-	-	(4.143.939)	(4.066.439)	155.000	232.500
- SD2	27	27	858.600	858.600	-	-	(707.400)	(707.400)	151.200	151.200
- SD5	50	50	2.352.189	2.352.189	-	-	(1.812.189)	(1.167.189)	540.000	1.185.000
- SD6	88	61	1.832.735	1.043.735	-	-	(1.278.335)	(683.835)	554.400	359.900
- SD9	8	8	235.259	235.259	-	-	(175.259)	(187.259)	60.000	48.000
- SDA	51	51	1.497.236	1.497.236	-	-	(1.252.436)	(1.232.036)	244.800	265.200
- SDB	238.300	238.300	7.089.726.705	7.089.726.705	-	-	(6.660.786.705)	(6.493.976.705)	428.940.000	595.750.000
- SDD	83	83	288.600	288.600	-	-	(23.000)	(31.300)	265.600	257.300
- SDH	30	30	2.166.000	2.166.000	-	-	(2.052.000)	(2.019.000)	114.000	147.000
- SDJ	33	33	620.400	620.400	-	-	(557.700)	(445.500)	62.700	174.900
- SDP	19	19	617.500	617.500	-	-	(545.300)	(539.600)	72.200	77.900
- SDT	12	12	453.887	453.887	-	-	(319.487)	(341.087)	134.400	112.800
- SEB	70	70	1.560.020	1.234.809	217.980	-	-	(457.809)	1.778.000	777.000
- SEL	-	40.300	-	1.017.083.596	-	-	-	(851.853.596)	-	165.230.000
- SHB	4	4	130.400	130.400	-	-	(106.800)	(106.800)	23.600	23.600
- SHN	84	84	780.652	780.652	-	-	(679.852)	(469.852)	100.800	310.800
- SHS	40	40	768.000	768.000	-	-	(564.000)	(640.000)	204.000	128.000
- SIC	13	113	418.677	3.639.266	-	-	(351.077)	(3.040.366)	67.600	598.900
- SJC	47	47	2.026.366	2.026.366	-	-	(1.669.166)	(1.617.466)	357.200	408.900
- SJE	38	38	892.299	892.299	-	-	(592.099)	(671.899)	300.200	220.400
- SUM	235.894	179.694	3.980.591.167	4.145.901.276	-	-	(3.461.624.367)	(3.732.605.076)	518.966.800	413.296.200
- STP	20	20	790.401	790.401	-	-	(610.401)	(622.401)	180.000	168.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị tăng trưởng		Giảm so với giá trị tăng trưởng		Tổng giá trị theo giá trị tăng trưởng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- SVC	6	6	208.200	208.200	-	-	(126.600)	(103.200)	81.600	105.000
- TMC	3	3	30.000	30.000	2.700	-	-	(3.000)	32.700	27.000
- TV4	33	28	370.000	370.000	-	-	(115.900)	(202.000)	254.100	168.000
- VC2	47	47	1.554.870	1.554.870	-	-	(1.117.770)	(896.870)	437.100	658.000
- VC5	12	12	400.800	400.800	-	-	(333.600)	(337.200)	67.200	63.600
- VCG	-	50.000	-	535.000.000	-	-	-	(90.000.000)	-	445.000.000
- VCS	62	95	4.989.852	13.038.000	-	-	(4.345.052)	(12.021.500)	644.800	1.016.500
- VE9	68	68	486.400	486.400	-	-	(126.000)	16.800	360.400	503.200
- VGS	98	98	2.205.000	2.205.000	-	-	(1.734.600)	(1.822.800)	470.400	382.200
- VHL	93	93	4.352.400	4.352.400	-	-	(3.394.500)	(1.534.500)	957.900	2.817.900
- VMC	44	44	2.261.600	2.261.600	-	-	(1.469.600)	(1.601.600)	792.000	660.000
- VND	66	67	798.853	812.143	-	-	(178.453)	(356.543)	620.400	455.600
- VSP	61	61	1.231.359	1.231.359	-	-	(761.659)	(926.359)	469.700	305.000
- VTS	24	124	800.265	4.134.700	-	-	(521.865)	(2.249.900)	278.400	1.884.800
- VTV	40	40	2.120.000	2.120.000	-	-	(1.800.000)	(1.900.000)	320.000	220.000
- XMC	-	100	-	2.280.000	-	-	-	(1.450.000)	-	830.000
- ASP	3	3	38.100	38.100	-	-	(24.600)	(27.600)	13.500	10.500
- BBC	1	1	32.200	32.200	-	-	(15.300)	(21.100)	16.900	11.100
- BHS	6	-	-	-	96.000	-	-	-	96.000	-
- BMP	2	2	114.000	114.000	-	-	(25.000)	(44.000)	89.000	70.000
- BT6	18	18	353.400	353.400	-	-	(241.800)	(241.800)	111.600	111.600
- CAN	90	90	1.251.000	1.251.000	738.000	-	-	909.000	1.989.000	2.160.000
- DHC	2	2	19.500	19.500	-	-	(8.100)	(5.900)	11.400	13.600
- DHG	4	4	228.000	228.000	64.000	-	-	(4.000)	292.000	224.000
- DIC	2	2	37.000	37.000	-	-	(23.400)	(23.800)	13.600	13.200
- DIG	4	4	266.000	266.000	-	-	(214.800)	(224.400)	51.200	41.600
- DPC	50	50	950.000	950.000	-	-	(260.000)	(465.000)	690.000	485.000
- DRC	-	21.000	-	440.500.000	-	-	-	(81.400.000)	-	359.100.000
- FPT	7	6	338.698	338.698	-	-	(92.298)	(40.498)	246.400	298.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- GIL	2	2	54.329	54.329	-	-	-	7.671	64.000	62.000
- GMC	9	9	-	-	171.000	-	-	132.300	171.000	132.300
- GTA	5	5	62.920	62.920	-	-	(26.920)	(30.420)	36.000	32.500
- HAG	5	5	-	-	108.000	-	-	97.500	108.000	97.500
- HAP	8	13	246.600	246.600	-	-	(207.400)	(203.700)	39.200	42.900
- HAS	8	8	99.200	99.200	-	-	(59.200)	(64.000)	40.000	35.200
- HAX	5	11	270.300	270.300	-	-	(253.300)	(217.500)	17.000	52.800
- HBC	4	2	53.489	53.489	-	-	(1.489)	(7.689)	52.000	45.800
- HCM	5	5	287.500	287.500	-	-	(179.500)	(217.500)	108.000	70.000
- HDC	8	7	297.500	297.500	-	-	(183.100)	(175.700)	114.400	121.800
- HDG	174.985	-	2.255.692.000	-	-	-	(33.382.500)	-	2.222.309.500	-
- HLA	2	2	24.008	24.008	-	-	(13.808)	(15.608)	10.200	8.400
- HPG	2	2	54.102	80.667	-	-	(12.102)	(45.667)	42.000	35.000
- ITA	9	8	184.089	184.089	-	-	(141.789)	(132.089)	42.300	52.000
- ITC	1	1	6.095	6.095	2.005	-	-	1.205	8.100	7.300
- KDC	4	3	54.408	54.408	105.592	-	-	23.592	160.000	78.000
- KHA	5	5	114.300	114.300	-	-	(47.300)	(72.800)	67.000	41.500
- KHP	4	4	64.343	64.343	-	-	(31.543)	(37.143)	32.800	27.200
- L10	5	5	163.000	163.000	-	-	(125.500)	(134.500)	37.500	28.500
- LCG	-	10	-	382.913	-	-	-	(298.913)	-	84.000
- LGC	5	5	135.000	135.000	-	-	(80.000)	(8.000)	55.000	127.000
- LHG	44.447	34.190	1.923.863.425	1.923.863.425	-	-	(1.301.605.425)	(1.421.270.425)	622.258.000	502.593.000
- MCV	5	5	106.000	106.000	-	-	(43.000)	(91.500)	63.000	14.500
- MHC	2	2	15.600	15.600	-	-	(10.000)	(11.000)	5.600	4.600
- NHC	6	6	220.800	220.800	-	-	(106.800)	(70.800)	114.000	150.000
- NKD	2	2	84.800	84.800	-	-	(68.600)	(76.800)	16.200	8.000
- NTL	403.634	4	6.243.429.397	144.397	295.441.403	-	-	(93.597)	6.538.870.800	50.800
- PET	6	6	108.443	108.443	-	-	(33.443)	(36.443)	75.000	72.000
- PGC	1	1	27.000	27.000	-	-	(16.300)	(22.100)	10.700	4.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,

Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- PJT	6	6	64.200	64.200	-	-	(16.800)	(31.800)	47.400	32.400
- PNJ	8	7	275.000	275.000	1.800	-	-	6.400	276.800	281.400
- PPC	2	2	18.902	35.910	4.898	-	-	(21.910)	23.800	14.000
- PVD	2	2	180.096	180.096	-	-	(105.096)	(113.696)	75.000	66.400
- RIC	6	8	253.200	253.200	-	-	(219.600)	(210.800)	33.600	42.400
- SFC	2	4	106.000	106.000	-	-	(60.000)	400	46.000	106.400
- SFI	6	6	193.200	193.200	-	-	(91.200)	(121.200)	102.000	72.000
- SGT	3	3	67.500	67.500	-	-	(54.000)	(44.400)	13.500	23.100
- SJ1	80	80	2.032.000	2.032.000	-	-	(448.000)	72.000	1.584.000	2.104.000
- SJ2	1.116.400	-	15.692.657.000	-	-	-	(63.057.000)	-	15.629.600.000	-
- SJS	5	268.065	117.850	6.423.151.341	-	-	(8.850)	(311.269.341)	109.000	6.111.882.000
- SMC	3	3	88.800	88.800	-	-	(51.300)	(66.000)	37.500	22.800
- SSI	5	5	102.817	85.502	-	-	(21.317)	(17.002)	81.500	68.500
- STB	5	5	96.639	96.639	2.861	-	-	(21.139)	99.500	75.500
- TCM	101.968	8	1.152.187.486	121.990	-	-	(560.773.086)	(54.790)	591.414.400	67.200
- TCR	6	6	52.200	52.200	-	-	(25.800)	(21.000)	26.400	31.200
- TDH	3	3	171.000	171.000	-	-	(134.700)	(136.800)	36.300	34.200
- TRA	6	6	255.000	255.000	267.000	-	-	(38.400)	522.000	216.600
- TS4	5	5	201.500	201.500	-	-	(157.000)	(160.000)	44.500	41.500
- TTC	5	5	41.500	41.500	-	-	(15.000)	(28.500)	26.500	13.000
- TTF	2	-	15.596	-	-	-	(5.196)	-	10.400	-
- TYA	4	4	31.200	31.200	-	-	(16.800)	(20.400)	14.400	10.800
- UNI	7	7	164.800	164.800	-	-	(109.500)	(138.200)	55.300	26.600
- VFC	7	7	128.727	128.727	-	-	(72.727)	(80.427)	56.000	48.300
- VID	8	8	93.600	93.600	-	-	(72.000)	(61.600)	21.600	32.000
- VIP	559.266	6	3.441.520.159	184.800	25.929.041	-	-	(159.600)	3.467.449.200	25.200
- VOS	9	9	171.000	171.000	-	-	(150.300)	(134.100)	20.700	36.900
- VPK	5	5	41.500	41.500	88.500	-	-	(9.000)	130.000	32.500
- VTB	6	6	95.400	95.400	-	-	(50.400)	(56.400)	45.000	39.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mê Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị tăng trưởng		Giảm so với giá trị tăng trưởng		Tổng giá trị theo giá trị tăng trưởng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- VTC	77	77	724.500	724.500	-	-	(516.600)	(532.000)	207.900	192.500
- VTO	1	1	13.472	13.472	-	-	(8.872)	(9.172)	4.600	4.300
Chứng chỉ quỹ	44.350	98.000	450.152.500	994.700.000	-	-	(188.487.500)	(494.900.000)	261.665.000	499.800.000
- VFMVFA	44.350	98.000	450.152.500	994.700.000	-	-	(188.487.500)	(494.900.000)	261.665.000	499.800.000
TỔNG CỘNG	2.922.501	1.303.853	42.313.762.958	25.958.720.138	323.515.468	-	(12.325.463.226)	(13.902.328.438)	30.311.815.200	12.056.391.700



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự phòng đã lập	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	VND
1. Phải thu của khách hàng	1.423.231.018	633.431.018	-	808.724.681	796.624.681	763.031.018	252.500.000	927.991.018
- Phải thu dịch vụ tư vấn	759.800.000	-	-	482.800.000	448.200.000	129.600.000	252.500.000	264.560.000
- Phải thu hoạt động khác	663.431.018	633.431.018	-	325.924.681	348.424.681	633.431.018	-	663.431.018
2. Trả trước cho người bán	3.294.210.686	-	-	1.140.115.250	3.996.250.936	-	435.075.000	435.075.000
- Ứng trước Công ty Cổ phần Đức Thái	2.147.703.750	-	-	672.740.250	2.820.444.000	-	-	-
- Ứng trước Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Proam Việt Nam	225.000.000	-	-	-	-	-	225.000.000	225.000.000
- Ứng trước Công ty Cổ phần Phát triển phần mềm Chứng khoán Việt Nam	75.075.000	-	-	250.000.000	150.000.000	-	175.075.000	175.075.000
- Ứng trước Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Năng lượng	616.000.000	-	-	154.000.000	770.000.000	-	-	-
- Ứng trước khác	230.431.936	-	-	63.375.000	255.806.936	-	35.000.000	35.000.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.265.600.000	-	-	611.996.108	11.861.996.108	-	15.600.000	15.600.000
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	15.600.000	-	-	611.996.108	611.996.108	-	15.600.000	15.600.000
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	11.250.000.000	-	-	-	11.250.000.000	-	-	-

1104
KIỂM
M T
NH KẾ
VỤ T
HIỆM H
T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,

Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự phòng đã lập VND		
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND		Số quá hạn VND	Số khó đòi VND
5. Các khoản phải thu khác	62.292.590.150	48.500.000	5.073.810.125	320.378.028.368	360.932.965.678	21.737.652.840	-	17.236.548.856	17.111.899.456
- Bảo hiểm xã hội	85.686.133	-	-	514.833.770	596.715.918	3.803.985	-	-	-
- Phải thu nhà đầu tư tiền thiếu mua chứng khoán	1.285.210.803	48.500.000	-	135.027.513.703	135.933.300.703	379.423.803	-	379.423.803	379.423.803
- Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền bán CK	3.051.923.767	-	-	139.617.080.370	142.335.133.026	333.871.111	-	333.871.111	333.871.111
- Mỗi giới đầu tư mua cổ phiếu chưa niêm yết	6.000.000.000	-	-	-	1.800.000.000	4.200.000.000	-	-	-
- Phải thu các hợp đồng hợp tác kinh doanh	23.526.256.000	-	5.073.810.125	34.135.100.000	54.012.580.156	3.648.775.844	-	3.351.475.844	3.226.826.444
- Ông Nguyễn Duy Ngọc	3.355.549.946	-	-	-	-	3.355.549.946	-	3.355.549.946	2.920.000.000
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	2.920.000.000	-	-	-	-	2.920.000.000	-	2.920.000.000	3.355.549.946
- Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng	12.613.083.333	-	-	-	12.613.083.333	-	-	-	-
- Phải thu bà Ngô Thị Hương ủy thác mua cổ phiếu OTC	7.500.000.000	-	-	-	7.500.000.000	-	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Bích Hằng	-	-	-	1.213.819.032	60.126.380	1.153.692.652	-	1.153.692.652	1.153.692.652
- Phải thu khác	1.954.880.168	-	-	9.869.681.493	6.082.026.162	5.742.535.499	-	5.742.535.500	5.742.535.500
TỔNG CỘNG	78.275.631.854	681.931.018	5.073.810.125	322.938.864.407	377.587.837.403	23.626.658.858	763.031.018	17.939.723.856	18.490.565.474



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	(5.392.260.125)	(304.500.000)
Số trích lập/hoàn nhập trong năm	(13.503.736.994)	(5.087.760.125)
Số dư cuối năm	(18.895.997.119)	(5.392.260.125)

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	688.463.842	688.463.842
	688.463.842	688.463.842

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3.113.431.645	350.555.361
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	149.193.152
	3.113.431.645	499.748.513

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4.946.875.701	493.992.999	2.360.514.031	7.801.382.731
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	(120.770.000)	-	(1.584.120.664)	(1.704.890.664)
- Thanh lý, nhượng bán	(120.770.000)	-	(1.584.120.664)	(1.704.890.664)
Số dư cuối năm	4.826.105.701	493.992.999	776.393.367	6.096.492.067
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	3.843.551.619	357.989.892	2.360.513.329	6.562.054.840
Số tăng trong năm	579.554.380	82.332.167	702	661.887.249
- Trích khấu hao	579.554.380	82.332.167	702	661.887.249
Số giảm trong năm	(120.770.000)	-	(1.584.120.664)	(1.704.890.664)
- Thanh lý, nhượng bán	(120.770.000)	-	(1.584.120.664)	(1.704.890.664)
Số dư cuối năm	4.302.335.999	440.322.059	776.393.367	5.519.051.425
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	1.103.324.082	136.003.107	702	1.239.327.891
Số dư cuối năm	523.769.702	53.670.940	-	577.440.642
Trong đó				
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				3.969.422.594

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.388.652.753
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	(97.368.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(97.368.000)
Số dư cuối năm	4.291.284.753
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	3.633.276.334
Số tăng trong năm	755.376.419
- Trích khấu hao	755.376.419
Số giảm trong năm	(97.368.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(97.368.000)
Số dư cuối năm	4.291.284.753
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	755.376.419
Số dư cuối năm	-
Trong đó	
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	3.638.034.753

1111
ÔN
NHIỆ
VỤ
ÍNH K
ỀM
KIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

II . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	1.823.786	1.877.714	45.233.950.000	46.143.950.000	-	-	(19.829.520.000)	-	25.404.430.000	46.143.950.000
a. Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.822.886	1.877.714	45.143.950.000	46.143.950.000	-	-	(19.829.520.000)	-	25.314.430.000	46.143.950.000
Cổ phiếu	1.822.886	1.877.714	45.143.950.000	46.143.950.000	-	-	(19.829.520.000)	-	25.314.430.000	46.143.950.000
- BLIC	60.610	60.610	2.987.000.000	2.987.000.000	-	-	(2.683.950.000)	-	303.050.000	2.987.000.000
- DAB	27.360	27.360	900.000.000	900.000.000	-	-	(763.200.000)	-	136.800.000	900.000.000
- ICON4	840.000	900.000	12.500.000.000	13.500.000.000	-	-	-	-	12.500.000.000	13.500.000.000
- MLG	30.000	30.000	1.290.000.000	1.290.000.000	-	-	(1.140.000.000)	-	150.000.000	1.290.000.000
- PHL	500.000	500.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- SPT	16.116	10.744	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-	(1.519.420.000)	-	80.580.000	1.600.000.000
- VIBEX	80.000	80.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	(1.200.000.000)	-	800.000.000	2.000.000.000
- VPH	268.800	269.000	13.866.950.000	13.866.950.000	-	-	(12.522.950.000)	-	1.344.000.000	13.866.950.000
b. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	900	-	90.000.000	-	-	-	-	-	90.000.000	-
Trái phiếu	900	-	90.000.000	-	-	-	-	-	90.000.000	-
- Đầu tư trái phiếu LSS	900	-	90.000.000	-	-	-	-	-	90.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.823.786	1.877.714	45.233.950.000	46.143.950.000	-	-	(19.829.520.000)	-	25.404.430.000	46.143.950.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆTTầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn	13.026.630.894	-
Chi phí cải tạo nội thất phòng giao dịch	2.176.026.672	-
	15.202.657.566	-

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	373.468.667	373.468.667
Tiền nộp bổ sung	1.451.459.990	1.100.643.561
Tiền lãi phân bổ trong năm	228.355.111	57.719.243
Số dư cuối năm	2.053.283.768	1.531.831.471

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2012	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.000.000.000	23.500.000.000	(28.500.000.000)	-
- Ngân hàng	5.000.000.000	23.500.000.000	(28.500.000.000)	-
	5.000.000.000	23.500.000.000	(28.500.000.000)	-

Chi tiết các khoản vay:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	5.000.000.000
Chi nhánh Cầu Giấy	-	5.000.000.000
	-	5.000.000.000

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	60.389.281
Thuế Thu nhập cá nhân	95.697.258	346.796.047
	95.697.258	407.185.328

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

911
CẾ
TRÁCH
DỊCH
TÀI
Q. H

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Trích trước thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	417.000.000	-
	<u>417.000.000</u>	<u>-</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	20.911.800	45.288.312
Bảo hiểm y tế	-	8.765.889
Bảo hiểm thất nghiệp	-	6.074.013
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	289.945.100	(4.675.839.798)
Môi giới đầu tư mua Cổ phiếu chưa niêm yết	4.200.000.000	6.000.000.000
BIDV Ba Đình giải ngân vay cầm cố (phải trả NĐT)	-	679.120.033
Tiền nhà đầu tư nộp mua phát hành thêm CP cho TTLK	-	1.030.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.098.500	1.529.536.180
	<u>4.549.955.400</u>	<u>3.593.974.629</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011					
Số dư đầu năm	135.000.000.000	62.220.000.000	231.817.946	(20.067.168.055)	177.384.649.891
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	(38.217.841.348)	(38.217.841.348)
Số dư cuối năm	135.000.000.000	62.220.000.000	231.817.946	(58.285.009.403)	139.166.808.543
NĂM 2012					
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	(34.610.147.810)	(34.610.147.810)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	135.000.000.000	62.220.000.000	231.817.946	(92.895.157.213)	104.556.660.733

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.500.000</i>	<i>13.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	13.801.814.351	15.343.807.923
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.252.561.570	3.733.870.680
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.526.244.745	2.930.672.011
- Doanh thu hoạt động tư vấn	811.636.369	808.000.006
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	503.515.738	11.539.750
- Doanh thu khác	5.707.855.929	7.859.725.476
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	13.801.814.351	15.343.807.923

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	926.448.487	2.603.463.281
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.313.634.625	34.472.771.759
Chi phí hoạt động tư vấn	294.500.000	223.974.963
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	586.600.883	80.361.063
Chi phí dự phòng	18.252.654.788	2.538.312.150
Chi phí khác	70.698.334	1.363.535.576
	23.444.537.117	41.282.418.792

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆTTầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.248.929.919	5.660.734.042
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.113.680.145	240.163.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.417.263.668	2.296.114.254
Thuế, phí và lệ phí	1.078.546.487	472.879.192
Chi phí dự phòng	14.980.097.504	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.555.518.311	3.692.919.241
Chi phí khác bằng tiền	1.054.411.957	446.904.022
	26.448.447.991	12.809.714.246

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(34.610.147.810)	(38.217.841.348)
Các khoản điều chỉnh tăng	8.737.298.621	-
- Chi phí không được trừ	8.737.298.621	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(41.198.968.033)	(1.752.693.985)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.228.432.700)	(1.752.693.985)
- Chuyển lỗ các năm trước	(39.970.535.333)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(67.071.817.222)	(39.970.535.333)
- Thu nhập tính thuế còn lại	(67.071.817.222)	(39.970.535.333)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(688.463.842)	(688.463.842)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(688.463.842)	(688.463.842)

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(34.610.147.810)	(38.217.841.348)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(34.610.147.810)	(38.217.841.348)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.564)	(2.831)

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.804.530.147	-	16.711.968.182	-
Phải thu khách hàng	1.435.331.018	(927.991.018)	1.423.231.018	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	15.600.000	(15.600.000)	11.265.600.000	-
Phải thu khác	21.737.652.840	(17.111.899.456)	62.292.590.150	(5.392.260.125)
Đầu tư ngắn hạn	42.313.762.958	(12.325.463.226)	25.958.720.138	(13.902.328.438)
Đầu tư dài hạn	45.233.950.000	(19.829.520.000)	46.143.950.000	-
	138.540.826.963	(50.210.473.700)	163.796.059.488	(19.294.588.563)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	5.000.000.000
Phải trả người bán	-	71.230.517
Chi phí phải trả	417.000.000	-
Phải trả khác	4.549.955.400	3.593.974.629
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	12.158.688.923
	4.966.955.400	20.823.894.069

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.804.530.147	-	-	27.804.530.147
Phải thu khách hàng	507.340.000	-	-	507.340.000
Phải thu khác	4.625.753.384	-	-	4.625.753.384
Đầu tư ngắn hạn	29.988.299.732	-	-	29.988.299.732
Đầu tư dài hạn	-	25.404.430.000	-	25.404.430.000
	62.925.923.263	25.404.430.000	-	88.330.353.263
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.711.968.182	-	-	16.711.968.182
Phải thu khách hàng	1.423.231.018	-	-	1.423.231.018
Phải thu hoạt động giao dịch				
chứng khoán	11.265.600.000	-	-	11.265.600.000
Phải thu khác	56.900.330.025	-	-	56.900.330.025
Đầu tư ngắn hạn	12.056.391.700	-	-	12.056.391.700
Đầu tư dài hạn	-	46.143.950.000	-	46.143.950.000
	98.357.520.925	46.143.950.000	-	144.501.470.925

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2012				
Chi phí phải trả	417.000.000	-	-	417.000.000
Phải trả khác	4.549.955.400	-	-	4.549.955.400
	4.966.955.400	-	-	4.966.955.400
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Phải trả người bán	71.230.517	-	-	71.230.517
Phải trả khác	3.593.974.629	-	-	3.593.974.629
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	12.158.688.923	-	-	12.158.688.923
	20.823.894.069	-	-	20.823.894.069

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 01 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty đã rút bớt nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . THÔNG TIN KHÁC

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án tái cấu trúc công ty tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 17 tháng 11 năm 2012, theo đó Công ty thực hiện rút bớt nghiệp vụ môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán. Từ ngày 28/12/2012, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty ngừng hoạt động giao dịch tại các sở, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã chấp thuận ngừng cung cấp các dịch vụ liên quan đến đăng ký, lưu ký và thanh toán bù trừ đối với Công ty. Tại thời điểm hiện tại, Công ty đã rút nghiệp vụ môi giới và giảm số lượng nhân viên xuống còn 7 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 2 tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình,
Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.252.561.570	3.526.244.745	5.707.855.929	1.315.152.107	13.801.814.351	-	13.801.814.351
Chi phí trực tiếp	926.448.487	21.566.289.413	70.698.334	881.100.883	23.444.537.117	-	23.444.537.117
Chi phí phân bổ	-	-	-	-	24.967.425.044	-	24.967.425.044
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.326.113.083	(18.040.044.668)	5.637.157.595	434.051.224	(34.610.147.810)	-	(34.610.147.810)
Tài sản bộ phận	22.311.289.497	29.988.299.732	27.804.530.147	1.873.406.018	81.977.525.394	-	81.977.525.394
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	28.156.744.111	-	28.156.744.111
Tổng tài sản					110.134.269.505	-	110.134.269.505
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	5.577.608.772	-	5.577.608.772
Tổng nợ phải trả					5.577.608.772	-	5.577.608.772

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

105-C
TỶ
M HỮU H
TƯ V
TOÁN
36
TP.H

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	773.035.758	908.000.000

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Nguyễn Văn Bình
Phụ trách phòng kế toán



Ngô Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2013